CTCP Cơ điện Miền Trung (HNX: CJC)

FireAnt

Ngày 30/09/2024	25,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0%	0%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	25,800 - 25,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	206
Số lượng CPLH (CP)	8,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	-
EPS	770
P/E	33.5

Tỷ suất lợi nhuận

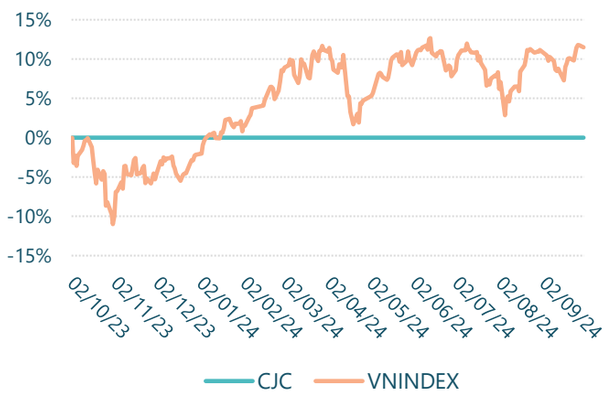

Doanh thu thuần

Q3/24

48.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼177 | -78.6%

YoY: ▼3.00 | -5.8%

Nợ/VCSH

Q3/24

144%

YoY: +/-▼ 86.0%

LN gộp

Q3/24

5.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▼8.95 | -62.2%

YoY: ▲ 0.04 | 0.7%

ROE (TTM)

Q3/24

7.1%

YoY: +/-▼ 2.2%

LN trước thuế

Q3/24

0.56

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.24 | -68.6%

ROA (TTM)

Q3/24

2.8%

YoY: +/-▲ 0.2%

Kết quả kinh doanh Q3/24

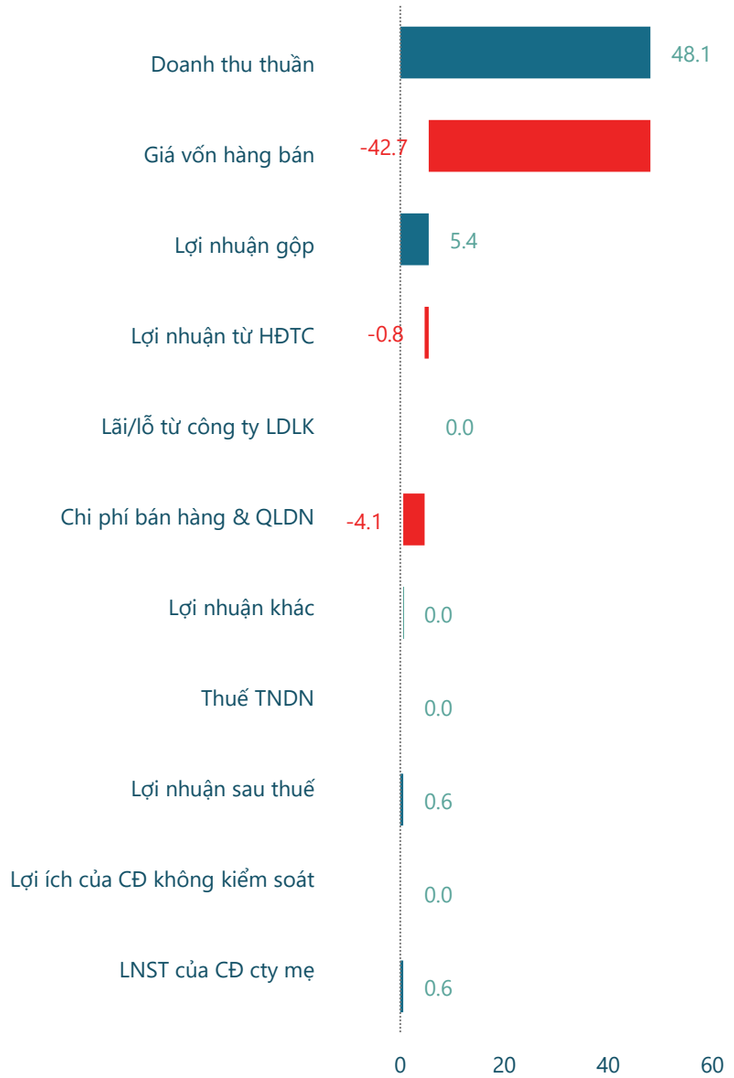

CTCP Cơ điện Miền Trung (HNX: CJC)

FireAnt

Kết quả kinh doanh

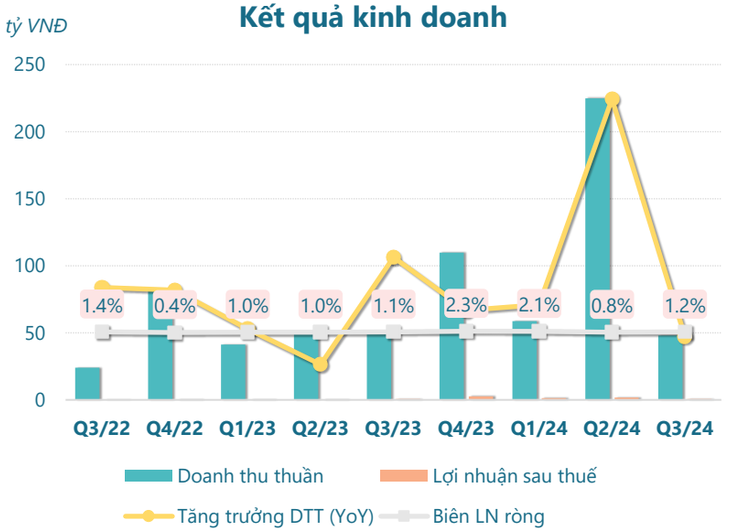

Kết quả kinh doanh của **CJC** quý III năm 2024, doanh thu thuần đạt **48.12 tỷ đồng** giảm đi **5.89%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 0.56 tỷ đồng**, **không đổi** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **332.0 tỷ đồng** cao hơn 132% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 4.00 tỷ đồng** cao hơn 300% so với cùng kỳ năm trước.

Tại quý III năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 0.56 tỷ đồng**, giảm đi 68.9% so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 0.79 tỷ đồng** tăng thêm 0.98 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 0.84 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

Cơ cấu lợi nhuận

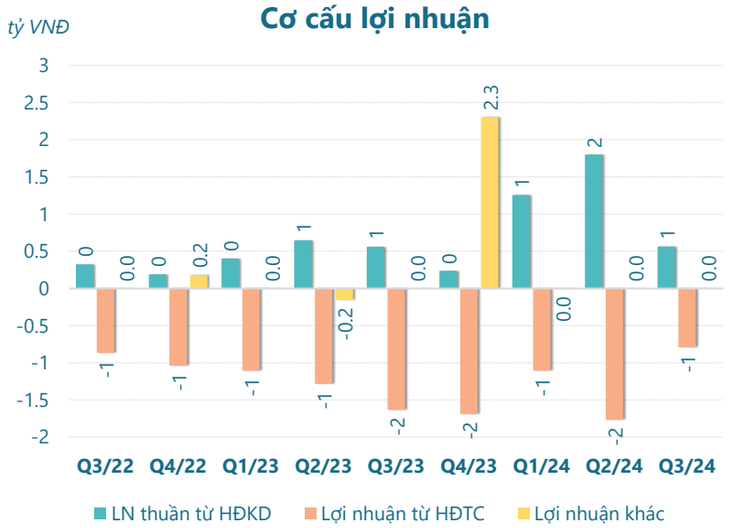

Cơ cấu chi phí

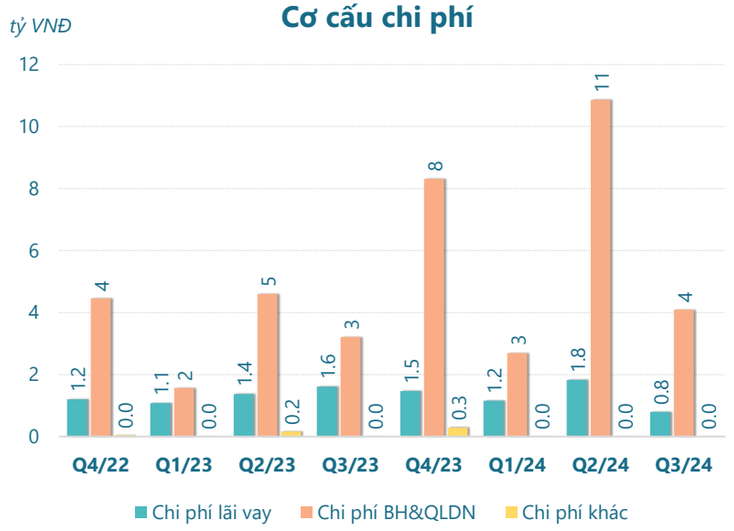

Tại quý III, chi phí lãi vay bằng **0.80 tỷ đồng** giảm đi 56.3% so với kỳ trước và thấp hơn 50.3% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **4.09 tỷ đồng** giảm đi 62.3% so với kỳ trước và cao hơn 27.4% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí khác bằng **0.01 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Cơ điện Miền Trung (HNX: CJC)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q2/24	Thay đổi QoQ	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**48.1**	**225**	**-78.6%**	**51.1**	**-5.8%**	**332**	**143**	**133%**
Giá vốn hàng bán	42.7	210	-79.7%	45.7	-6.6%	307	128	140%
Lợi nhuận gộp	5.45	14.4	-62.2%	5.41	0.7%	24.9	15.0	66.0%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.09	-94.2%	-0.02	126%	0.15	0.07	104%
Chi phí TC	0.80	1.86	-57.2%	1.61	-50.5%	3.82	4.09	-6.8%
Chi phí lãi vay	0.80	1.83	-56.5%	1.61	-50.5%	3.78	4.07	-7.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	5.58	-100%	0.00		5.58	0	
Chi phí QLDN	**4.09**	**5.28**	**-22.5%**	**3.21**	**27.5%**	**12.1**	**9.39**	**28.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.56	1.80	-68.7%	0.56	0.6%	3.62	1.61	125%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.00**		**0.00**	**-0.15**	**101%**
LN trước thuế	0.56	1.80	-68.6%	0.56	0.9%	3.62	1.46	149%
Lợi nhuận sau thuế	**0.56**	**1.80**	**-68.6%**	**0.56**	**0.9%**	**3.62**	**1.46**	**149%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.56**	**1.80**	**-68.6%**	**0.56**	**0.9%**	**3.62**	**1.46**	**149%**

Chỉ số thanh khoản

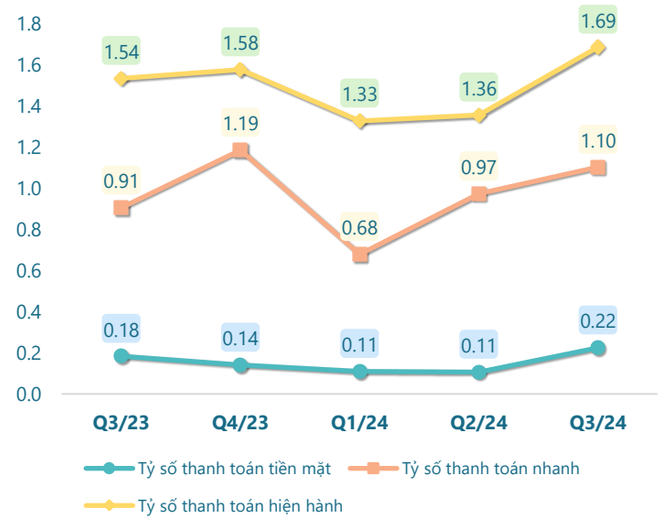

Biên lợi nhuận

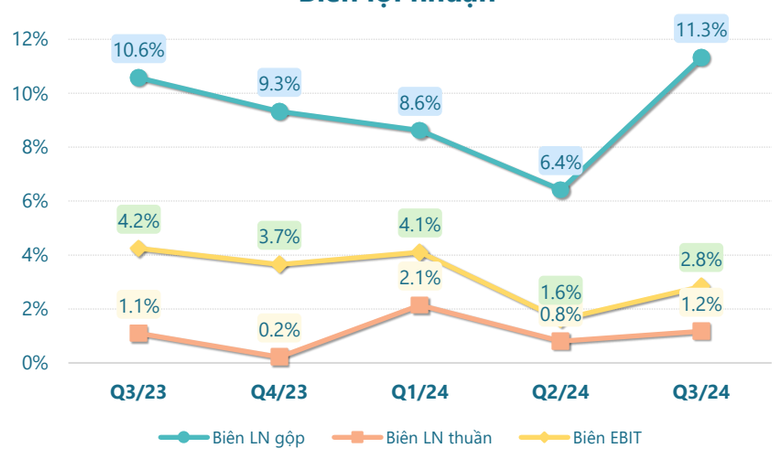

Tỷ suất sinh lợi

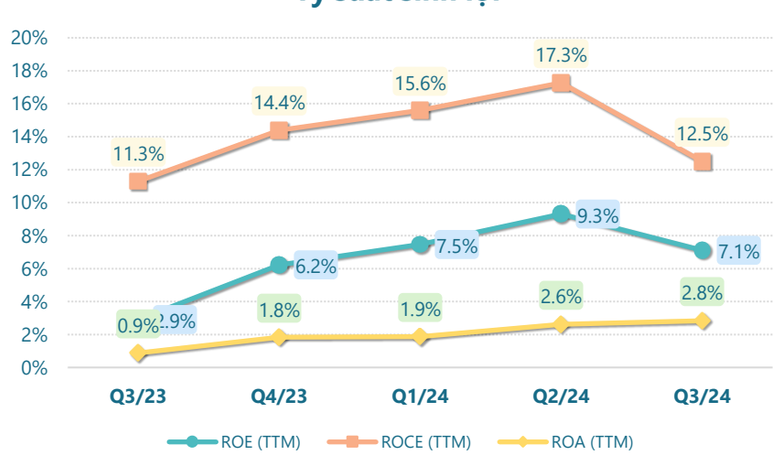
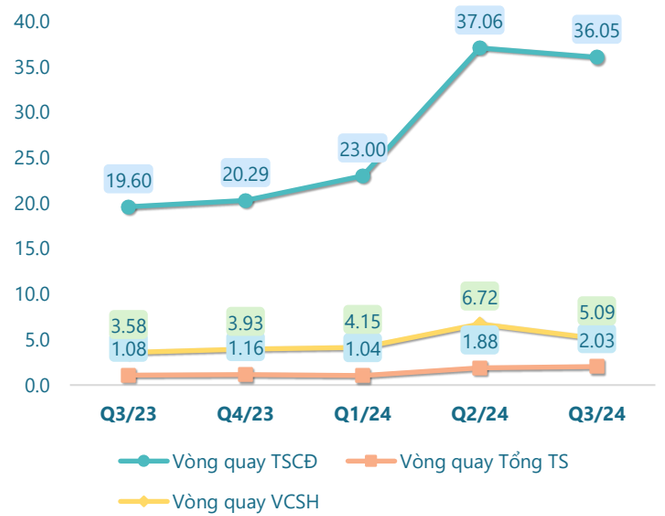
Vòng quay tài sản